

Kinh tế và Dự báo



Economy &
Forecast
Review

06/2016
Số 13

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

ISSN 0866.7120

Chào mừng 91 năm Ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam 21/6/1925 - 21/6/2016



Tác giả: NGUYỄN HẢI TÀI

+ Xã luận: Sức mạnh của báo chí – Sức mạnh của ngòi bút	3
TỬ CHÍNH SÁCH ĐẾN CUỘC SỐNG	
Nguyễn Thị Bích Liên, Nguyễn Thị Thúy Quỳnh: Về chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ dựa vào khoa học, công nghệ	4
Trần Quang Tiến: Thị trường lao động và bình đẳng giới ở Việt Nam	7
PHÂN TÍCH - NHẬN ĐỊNH - DỰ BÁO	
Đỗ Văn Thành: Quy trình dự báo phục vụ lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm	10
Nguyễn Thị Thu Hằng: Sau giai đoạn 1 của quá trình cơ cấu lại: Hệ thống ngân hàng Việt Nam thế nào?	14
Phan Minh Huyền, Nguyễn Vũ Phong Vân, Lê Huy Hoàng: Nhận diện và tháo gỡ những rào cản đối với phát triển doanh nghiệp Việt Nam	17
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	
Võ Thanh Hà: Nâng cao hiệu quả hoạt động của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước	20
Nguyễn Thành Nam: Chất lượng đội ngũ lãnh đạo của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước	23
Dương Văn An: Chuyển giá của doanh nghiệp FDI và những tác động đối với Việt Nam	26
Nguyễn Ngọc Khánh: Doanh nghiệp dệt may cần phải làm gì trước “sóng lớn” TPP?	29
Vũ Quang Hải: Nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành bia, nước giải khát Việt Nam	32
Phạm Thị Tình, Trần Sơn Ninh: Một số giải pháp quản lý tài chính tại các doanh nghiệp quân đội	35
Lê Tuấn Ngọc, Hoàng Thị Kim Oanh: Vấn đề phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ ở Việt Nam	38
Nguyễn Gia Thọ: Thúc đẩy phong trào tiêu dùng xanh ở Việt Nam	41
Ngô Thị Phương Liên: Một số giải pháp đẩy mạnh tái cơ cấu ngành trồng trọt	44
Đặng Thị Thúy Duyên, Lương Thanh Hà: Phát triển du lịch Việt Nam trong bối cảnh mới	47
Nguyễn Quang Hoài Châu, Nguyễn Thị Mai Hương: Tạo bước chuyển mạnh mẽ cho thương mại điện tử tại Việt Nam	50
NHÌN RA THẾ GIỚI	
Ngô Ánh Nguyệt: Kinh nghiệm quốc tế về chính sách tài chính trong xã hội hóa giáo dục đại học	53
Nguyễn Thị Thoa, Thân Thị Thanh Thảo: Học được gì từ kinh nghiệm thu hút FDI của Singapore?	56
Phạm Thị Xuân: Kinh nghiệm của Trung Quốc về huy động nguồn lực tài chính phát triển giao thông đường bộ	58
KINH TẾ NGÀNH - LÃNH THỔ	
Nguyễn Hà Bảo Ngọc: Thấy gì từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở tỉnh Sơn La?	60
Nguyễn Thị Thanh Mai: Giải pháp xử lý nợ đọng XDCHB tại TP. Hải Phòng	63
Vũ Thị Hoàng Yến: Giải pháp triển kinh tế vùng ven biển tỉnh Ninh Bình	66
Phạm Đức Minh: Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thu hút FDI ở Hải Dương	69
Từ Minh Thiện: Khởi thông các dòng vốn đầu tư cho phát triển nông nghiệp tại TP. Hồ Chí Minh	72
Đỗ Xuân Diện: Khu Kinh tế mở Chu Lai: Thời điểm “bứt phá” đã đến!	

Về chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ dựa vào khoa học, công nghệ

NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN*
NGUYỄN THỊ THÚY QUỲNH**

Gần một thập niên kể từ khi Quy hoạch Phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ (CNHT) được ban hành năm 2007, song đến nay ngành CNHT Việt Nam vẫn mới chỉ như mới “qua vạch xuất phát”. Làm thế nào để ngành CNHT phát triển đúng với vai trò và tiềm năng của Việt Nam là vấn đề đang đặt ra và việc cần làm trước tiên là bắt đầu từ chính sách.

NHỮNG NỖ LỰC TRONG ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH

Với mục tiêu trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020, Chính phủ đã có nhiều chính sách khuyến khích đầu tư, phát triển ngành CNHT. Từ năm 2007, Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) đã ban hành Quyết định số 34/2007/QĐ-BCN, ngày 31/07/2007 phê duyệt Quy hoạch phát triển CNHT đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020. Tiếp theo ngày 04/07/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg về Chính sách khuyến khích phát triển một số ngành CNHT. Ngay sau đó là Quyết định số 1483/QĐ-TTg, ngày 26/08/2011 về việc ban hành Danh mục CNHT ưu tiên phát triển, trong đó, ngành da - giày có các mục ưu tiên phát triển: da thuộc, vải giả da, hóa chất thuộc da, da muối, chỉ may giày. Đây là những lợi thế lớn để CNHT trong nước có thể phát triển trong tương lai.

Triển khai thực hiện Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 96/2011/TT-BTC, ngày 08/11/2011 hướng dẫn chính sách tài chính khuyến khích phát triển CNHT. Theo đó, Thông tư hướng dẫn chính sách tài chính khuyến khích phát triển CNHT đối với các ngành cơ khí chế tạo, điện tử - tin học, sản xuất lắp ráp ô tô, dệt - may, da - giấy và CNHT cho phát triển công nghệ cao theo quy định tại Quyết định trên.

Tuy nhiên, sau 7 năm triển khai thực hiện, những chính sách hỗ trợ trên không mang lại kết quả mong muốn trong phát triển ngành CNHT Việt Nam. Trước thực trạng đang tồn tại nhiều bất cập trong ngành CNHT, ngày 08/10/2014, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết

định số 9028/QĐ-BCT phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển CNHT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Theo đó, mục tiêu chung của Quy hoạch là nhằm đảm bảo đến năm 2020, Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp. Sản phẩm CNHT đáp ứng được 45% nhu cầu thiết yếu cho sản xuất, đến năm 2030, tỷ lệ này là 70%, tiêu dùng nội địa, xuất khẩu 25% giá trị sản xuất công nghiệp.

Sau đó 1 năm, ngày 03/11/2015, Chính phủ ban hành Nghị định số 111/2015/NĐ-CP về phát triển CNHT - ngành công nghiệp sản xuất nguyên liệu, vật liệu, linh kiện và phụ tùng để cung cấp cho sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh. Nghị định quy định các doanh nghiệp có dự án sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển sẽ được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định; được miễn thuế nhập khẩu với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định; được vay với lãi suất vay tín dụng đầu tư từ nguồn tín dụng đầu tư của Nhà nước; vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam tại các tổ chức tín dụng với mức lãi suất cho vay theo trần lãi suất cho vay của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; doanh thu của sản phẩm CNHT được lựa chọn kê khai thuế giá trị gia tăng theo tháng, năm, khai tạm tính theo quý...

*ThS., **ThS., Trường Đại học Vinh | Email: nguyenthibichlien@gmail.com

Riêng với doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục ưu tiên phát triển, ngoài được hưởng các chính sách nêu trên còn được miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai; được vay tối đa 70% vốn đầu tư tại các tổ chức tín dụng trên cơ sở bảo lãnh của các tổ chức bảo lãnh tín dụng. Tuy nhiên, để được vay vốn, các doanh nghiệp nhỏ và vừa phải đáp ứng các điều kiện, như: có tổng giá trị tài sản thế chấp, cầm cố tại tổ chức tín dụng tối thiểu 15% giá trị khoản vay, sau khi đã loại trừ giá trị tài sản cầm cố, thế chấp cho các khoản vay khác; có tối thiểu 20% vốn chủ sở hữu tham gia dự án đầu tư, sau khi trừ số vốn chủ sở hữu thu xếp cho các dự án khác; tại thời điểm đề nghị bảo lãnh, không có các khoản nợ đọng nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, nợ xấu tại các tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế khác...

SONG, KẾT QUẢ CHƯA NHƯ KỲ VỌNG

Theo ông Phan Đăng Tuất, Vụ trưởng – Thường trực Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Bộ Công Thương: “Đến năm 2013, Việt Nam mới có 1.383 doanh nghiệp CNHT trên 3 ngành: cơ khí, điện tử, nhựa cao su. Như vậy, số doanh nghiệp CNHT hiện nay chỉ chiếm 0,3% tổng số doanh nghiệp, đây là con số quá nhỏ bé!”. Hiện nay đang đẩy lên chương trình khởi sự doanh nghiệp “start-up”, nhưng hầu như toàn là các doanh nghiệp chế biến nhỏ, hoặc các doanh nghiệp thương mại dễ dàng thành lập và thu lời. Tuy nhiên, điều này không đủ để phát triển một ngành công nghiệp hiện đại. Trong khi đó, những doanh nghiệp “start-up” trong lĩnh vực CNHT mới chính là bước ngoặt đi tới sự phồn vinh (Khánh Linh, 2016).

Theo báo cáo điều tra của JETRO, tình hình mua linh phụ kiện tại chỗ của các doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam năm 2015 là 32,1%, đã tăng 10% so với năm 2010 là 22,4%. Tuy nhiên, nếu so tỷ lệ nội địa hóa của doanh nghiệp Nhật Bản đang hoạt động tại các nước lân cận, như: Trung Quốc là 64,7%, Thái Lan là 55,5%, Indonesia là 40,5%, Malaysia là 36%, thì tỷ lệ nội địa hóa của Việt Nam vẫn còn là rất thấp! Điều đáng nói là, dù tỷ lệ nội địa hóa là 32,1%, nhưng phần trăm mua từ các doanh nghiệp Nhật Bản

đang hoạt động tại Việt Nam lên tới 45,1%, từ doanh nghiệp Việt Nam là 41,2% và phần còn lại 13,7% là mua từ các doanh nghiệp nước khác như Đài Loan... Như vậy, nếu tính phần trăm mua từ các doanh nghiệp Việt Nam với tỷ lệ nội địa 32,1%, thì thực chất tỷ lệ nội địa từ các doanh nghiệp Việt Nam chỉ còn không quá 13,2%!

Cụ thể, đối với ngành chế tạo, lắp ráp ô tô, xe máy hiện nay trên phạm vi cả nước chỉ có khoảng trên 300 doanh nghiệp sản xuất linh kiện, phụ tùng cung cấp cho doanh nghiệp lắp ráp, nhưng phần lớn các linh kiện, phụ tùng đó là các sản phẩm đơn giản, hàm lượng công nghệ thấp, như: các chi tiết cấu tạo khung, gầm xe, thùng xe, xăm lốp, bộ tản nhiệt, bộ dây điện, ghế ngồi, nhựa trong xe; còn các chi tiết, linh phụ kiện quan trọng, như: động cơ, hộp số, cụm chuyển động vẫn phải nhập khẩu 100%. Chỉ tính riêng ngành công nghiệp ô tô, mặc dù được phát triển nhiều năm, nhưng đến nay ngành này vẫn bị coi là kém phát triển nhất, tỷ lệ nội địa hóa các chi tiết chỉ đạt từ 5%-10%, vì thế mỗi năm đã phải nhập khẩu tới gần 2 tỷ USD linh, phụ kiện.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Thứ nhất, cần có các chính sách ưu tiên phát triển CNHT theo hướng trọng tâm, trọng điểm

Thực tế cho thấy, các chính sách ưu đãi để ra chưa thực sự tạo đột phá để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất CNHT là do chưa hấp dẫn, còn dằn trải theo kiểu mũi nhọn “gai mít”. Hiệu quả của các văn bản chính sách vẫn còn ở mức hạn chế, chưa “chạm” đến doanh nghiệp sản xuất CNHT. Cụ thể, trong Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg chưa quy định rõ danh mục sản phẩm nào được ưu tiên, mà chủ yếu chỉ là cơ chế “xin - cho”, doanh nghiệp thiếu gì thì đề xuất. Cùng với đó là hạn chế của khung chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp hiện nay được thực hiện theo địa bàn và theo lĩnh vực (chỉ mới tập trung vào lĩnh vực công nghệ cao)... Do vậy, đã đến lúc cần rà soát lại các chính sách ưu tiên phát triển CNHT theo hướng trọng tâm, trọng điểm, theo từng giai đoạn phát triển. Trong quá trình rà soát, cần thành lập đầu mối cơ sở dữ liệu về công nghiệp nói chung và nhu cầu về CNHT, thường xuyên cập nhật thông tin về ngành, lĩnh vực.

Đặc biệt, Nhà nước cũng cần sử dụng linh hoạt công cụ tín dụng, từ đó đẩy mạnh cung cấp tín dụng cho doanh nghiệp CNHT; Đa dạng hóa các hình thức vay vốn bằng cách thực hiện và mở rộng các hình thức vay mới: bảo lãnh tín dụng, thuê mua tài chính... ngoài các hình thức đang thực hiện; Tranh thủ mọi vốn vay ưu đãi đầu tư bên ngoài; Giữ lãi suất ở mức độ ổn định hợp lý trong sự ổn định của thị trường tiền tệ, vừa đảm bảo cho tồn tại của tổ chức tín dụng, vừa tạo khả năng trả nợ và tạo tâm lý yên tâm cho cơ sở sử dụng vốn.

Thứ hai, khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ

Có thể nhận thấy rằng, giai đoạn phát triển công nghiệp hiện nay ở Việt Nam là quá trình công nghiệp hóa thâm dụng lao động (labor intensive). Một số doanh

ngành lớn của Việt Nam hiện nay có những sản phẩm được đánh giá là có chất lượng cao ngang tầm quốc tế đều là các doanh nghiệp có được các máy móc, dây chuyền thiết bị, công nghệ tiên tiến mua của nước ngoài và bản thân doanh nghiệp làm chủ được các phần vận hành, bảo dưỡng cùng với lợi thế về nhân công, tài nguyên và thị trường. Vì thế, Chính phủ cần có chính sách khuyến khích và hỗ trợ năng lực đổi mới trong doanh nghiệp. Có chiến lược đầu tư đổi mới công nghệ tại các doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực CNHT.

Doanh nghiệp sản xuất CNHT, đặc biệt là doanh nghiệp sử dụng công nghệ cao, cần được xem xét, hỗ trợ từ nguồn vốn của Quỹ Hỗ trợ phát triển khoa học – công nghệ quốc gia đối với các chi phí chuyển giao công nghệ, mua bản quyền, sáng chế, phần mềm, thuê chuyên gia nước ngoài, đào tạo nguồn nhân lực.

Bên cạnh đó, cần xây dựng tiêu chí cụ thể nhằm đánh giá, phân loại công nghệ và sản phẩm CNHT. Hỗ trợ ngân sách để đào tạo lực lượng quản lý chất lượng sản phẩm của các doanh nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước về quản lý chất lượng. Đổi mới hệ thống nghiên cứu khoa học, công nghệ làm nền tảng cho các ngành công nghiệp phát triển. Khuyến khích các cơ sở nghiên cứu mở rộng liên doanh, liên kết và hợp tác quốc tế.

Hỗ trợ chi phí cho các dự án nghiên cứu và sản xuất các sản phẩm CNHT. Tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu và phát triển các sản phẩm CNHT được xem xét, hỗ trợ kinh phí để triển khai ứng dụng vào sản xuất. Khi kết quả ứng dụng mang lại hiệu quả kinh tế được hỗ trợ chi phí nghiên cứu. Tranh thủ sự hỗ trợ, chia sẻ thông tin và tri thức, kinh nghiệm chuyển giao công nghệ trên các lĩnh vực nghiên cứu, quản lý, sản xuất, kinh doanh, đào tạo của các tổ chức quốc tế, các công ty đa quốc gia, các cơ sở nghiên cứu, các trung tâm tư vấn, các chuyên gia là người nước ngoài.

Chính phủ cần ban hành chính sách khuyến khích các doanh nghiệp FDI đầu tư công nghệ sản xuất sản phẩm CNHT hiện đại, chuyển giao công nghệ tiên tiến vào Việt Nam, hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp FDI có các hoạt động nghiên cứu và triển khai (R&D), đào tạo nhà cung cấp, chuyển giao công nghệ.

Để bảo hộ và khuyến khích ứng dụng công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, đặc biệt là các sản phẩm

xuất khẩu. Nhà nước cần có một số các biện pháp để hỗ trợ, như: miễn giảm thuế VAT, lợi nhuận tái đầu tư phát triển sản xuất không phải chịu thuế lợi tức; để lại một phần thuế thu vượt mức thu năm trước ở doanh nghiệp để đầu tư cho chế tạo thử sản phẩm mới, hỗ trợ doanh nghiệp các chi phí đăng ký bảo hộ quốc tế về nhãn mác hàng hóa. Thậm chí, có thể không thu các loại thuế đối với những lô sản phẩm mới để chào hàng.

Thứ ba, xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật đối với sản phẩm CNHT

Xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật đối với sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển: triển khai chi tiết theo Danh mục sản phẩm CNHT được ưu tiên phát triển theo Quyết định số 1483/QĐ-TTg, xây dựng bộ tiêu chí cụ thể nhằm đánh giá, phân loại công nghệ và sản phẩm CNHT cho các lĩnh vực công nghiệp.

Xây dựng quy định về tiêu chuẩn đối với sản phẩm CNHT nhập khẩu mà trong nước chưa sản xuất được (về kỹ thuật, quản lý, môi trường). Thiết lập hàng rào kỹ thuật nhằm bảo vệ thị trường nội địa và đảm bảo, khuyến khích đầu tư sản xuất trong nước. Các tiêu chuẩn về chất lượng, quản lý đối với sản phẩm nhập khẩu cần được sớm hoàn thiện, trong khi có thể xem xét ban hành các tiêu chuẩn về môi trường, trách nhiệm xã hội...

Hỗ trợ phát triển và nâng cấp các tổ chức, trung tâm kiểm định, đánh giá chất lượng sản phẩm hỗ trợ thuộc nhiều thành phần kinh tế đạt trình độ quốc tế. Khi khoa học, công nghệ phát triển, thì cũng sẽ góp phần phát triển CNHT. Và ngược lại, CNHT chính là động lực quan trọng thúc đẩy đổi mới công nghệ, phát triển nền công nghiệp của mỗi quốc gia. Phát triển CNHT sẽ càng trở nên quan trọng đối với các nước đang trong quá trình công nghiệp hóa như Việt Nam. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2015). *Nghị định số 111/2015/NĐ-CP, ngày 03/11/2015 về phát triển CNHT - ngành công nghiệp sản xuất nguyên liệu, vật liệu, linh kiện và phụ tùng để cung cấp cho sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh*
2. Thủ tướng Chính phủ (2011). *Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg, ngày 04/07/2011 về chính sách khuyến khích phát triển một số ngành CNHT*
3. Bộ Công Thương (2014). *Quyết định số 9028/QĐ-BCT, ngày 08/10/2014 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển CNHT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*
4. Khánh Linh (2016). *Chuyên gia Nhật "hiển kế" phát triển CNHT Việt Nam*, truy cập từ <http://laodong.com.vn/kinh-doanh/chuyen-gia-nhat-hien-ke-phat-trien-cong-nghiep-ho-tro-viet-nam-534942.blid>